

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH NAM ĐỊNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 30-01-2019

V/v Xin ly hôn
giữa chị L và anh D.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Gấm.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đình Mạnh.

2. Ông Phạm Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thảo - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 108/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02-01-2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị L, sinh năm 1989.

Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định.

Nơi ở hiện nay: Thôn L, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thế D, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện V, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Vắng mặt chị L và anh D (Chị L có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện ngày 04-12-2018 và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, nguyên đơn là chị Phạm Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thế D tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 02-01-2013 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì đến năm 2017 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh D chỉ thích chơi bời cờ bạc dẫn đến nợ nần, thường xuyên tụ tập bạn bè rượu chè, không chịu khó lao động và làm việc như mọi người. Hơn nữa anh D còn có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, khi bị chị phát hiện, anh D đã xin chị tha thứ để cho anh sửa sai nhưng sau đó anh D vẫn không hề thay đổi, thậm trí còn gọi điện bảo ly hôn với chị để đi với người phụ nữ khác vv...cuộc sống chung của vợ chồng không có hạnh phúc, gây tâm lý mệt mỏi cho chị. Vì thế từ tháng 11-2017, chị đã đưa con bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn V, xã H để sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không còn liên lạc, không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau nữa.

Chị xác định không còn tình cảm gì với anh D, chị không thể quay về chung sống với anh D được nữa nên chị đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thế D.

- Về con chung: Chị và anh D có 01 con chung là cháu Nguyễn Thế A, sinh ngày 20-3-2016. Ly hôn, chị xin nhận nuôi cháu A và không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

- Về tài sản, công nợ và những vấn đề khác có liên quan: Chị và anh D không có gì vì vậy tôi không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, mặc dù Toà án đã nhiều lần triệu tập anh Nguyễn Thế D (Là bị đơn) đến để làm việc và tham gia phiên hoà giải nhưng anh D vắng mặt, không đến Tòa án để làm việc; không tham gia phiên hòa giải đồng thời không cung cấp chứng cứ, tài liệu gì cho Tòa án.

Bà Nguyễn Thị C, mẹ đẻ của anh D trình bày: Anh D vẫn thường xuyên liên lạc bằng điện thoại với bà nên bà đã thông báo cho anh D biết về việc Toà án đang thụ lý giải quyết yêu cầu xin ly hôn và nuôi con của chị Phạm Thị L. Bà không cung cấp địa chỉ của anh D cho Toà án được vì anh D không nói địa chỉ cụ thể cho bà biết. Việc chị L xin ly hôn anh D, bà xin nhận trách nhiệm và cam kết sẽ thông báo cho anh D biết lịch làm việc và xét xử của Toà án nhưng quan điểm của anh D là không tham gia tố tụng, không tham gia phiên toà và không có ý kiến gì, chị L xin ly hôn với anh D, đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết. Về con chung

của anh D, chị L vì hiện nay cháu Thế A còn nhỏ lại đang trực tiếp ở với chị L nên anh D đồng ý để chị L nuôi dưỡng, chăm sóc con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng.

- Về yêu cầu khởi kiện của đương sự: Căn cứ vào các Điều 51, 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Đề nghị Hội đồng xét xử:

- + Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Thế D.

- + Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thế A, sinh ngày 20-3-2016 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của chị L về việc không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

- + Về tài sản, công nợ và các nội dung khác: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- + Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị L phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Có đủ căn cứ xác định anh D đã biết việc Tòa án đang thụ lý giải quyết yêu cầu xin ly hôn của chị L nhưng cố tình vắng mặt, từ chối khai báo. Bởi vì, khi làm việc với Tòa án thì bà C là mẹ đẻ của anh D đã nhận trách nhiệm chuyển giấy tờ, tài liệu cho anh D, đồng thời thừa nhận anh D đã được gia đình thông báo về việc Tòa án đã thụ lý đơn xin ly hôn của chị L, anh D vẫn thường xuyên liên lạc bằng điện thoại với gia đình. Tòa án cũng đã làm đầy đủ các thủ tục tổng đạt cho gia đình, niêm yết văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nên có đủ điều kiện xét xử vắng mặt anh D theo quy định tại khoản 16 Điều 70, Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung: Chị L và anh D kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, không còn hạnh phúc, đã sống ly thân. Xét điều kiện, vợ chồng anh chị đã mỗi người mỗi nơi, thực sự không còn quan tâm đến nhau. Từ lâu đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng phải thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc gia đình, đặc biệt cả hai bên không còn thiện chí thực

hiện nghĩa vụ sống chung với nhau theo quy định tại các khoản 1, 2 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về “Tình nghĩa vợ chồng”. Tòa án đã nhiều lần thông báo, triệu tập, nhưng anh D không trả lời, chứng tỏ anh D đã có ý thức bỏ mặc, không muốn níu kéo tình cảm gia đình với chị L. Chị L xác định anh chị không còn khả năng đoàn tụ do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, xử lý hôn giữa chị L và anh D.

[3]. Về con chung: Xét điều kiện cháu Thế A còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi, hiện đang sống cùng với chị L và ông bà ngoại được chăm lo chu đáo. Để ổn định cuộc sống và vì quyền lợi của cháu Thế A cần giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu A đủ tuổi trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được. Ghi nhận sự tự nguyện của chị L về việc không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

[4]. Về tài sản, công nợ và những vấn đề khác có liên quan: Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị L phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81, 82, 83, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

1. Xử lý hôn giữa chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Thế D.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Thế A, sinh ngày 20-3-2016 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu A trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị L phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 09870 ngày 10-12-2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã M;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Gấm